

## PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

### QUYỂN 7

Nghĩa: thí dụ trong Phẩm Tín Giải Ngài

Quang Trạch chia làm chín thí dụ:

- 1) Cha con thất lạc nhau.
- 2) Cha con gặp nhau.
- 3) Gọi con không được.
- 4) Gọi con được.
- 5) Dạy bảo người.
- 6) Giao cho tài sản.
- 7) Biết con có chí lớn.
- 8) Gửi gắm gia nghiệp.
- 9) Được gia nghiệp vui mừng.

**Lời bình rằng:** Dụ này khó rõ ràng, gồm đủ các ý không thể căn cứ văn nói, nay sẽ trình bày rộng tướng kia có mười bốn điều; dụ này có thể lãnh giải phẩm trên tự rõ.

**Thứ nhất:** Định thí dụ nhiều ít: Nếu căn cứ ý thiện từ đầu đến cuối mà luận thì có mười ân tức thành mười số như trước giải thích.

Căn cứ văn và ý giáo gồm có tám thí dụ:

- 1) Cha con lạc nhau.
- 2) Cha con gặp nhau.
- 3) Gọi con không được.
- 4) Rưới nước lạnh trên mặt.
- 5) Gọi con được.
- 6) Giao cho của cải thâm giáo hóa.
- 7) Rèn luyện cẩn thận.
- 8) Gửi gắm gia nghiệp.

Song tám dụ này thấu nhiếp chung một phen giáo hóa từ đầu đến cuối tóm lược hết. Dụ cha con thất lạc: Trước đã từng lãnh giáo Đại thừa mà trái với lời dạy lưu lạc trong năm đường nên con lạc cha, từ khi thâm giáo hóa về sau tìm cầu Đại thừa mà không được căn cơ tốt là

cha lạc con. Cha con gặp nhau dụ: Từ khi thâm giáo hóa về sau đại căn cơ lẽ ra sẽ phát ngộ Nhất thừa là con thấy cha, thấy con cơ phát, có khả năng thọ nhận Đại thừa là cha thấy con. Dụ gọi con không được: Ban đầu thành đạo đại căn cơ chưa động không kham thọ Nhất thừa hóa. Dụ rưới nước lạnh lên mặt: Khi mới thành đạo chỉ kham thọ giáo pháp trời người, vì Cổ long và Đề vị nên nói ba qui y năm giới cấm. Dụ gọi con được: Đến vườn Nai vì hàng xuất gia nói giáo Nhị thừa. Dụ giao cho của cải thâm giáo hóa: Đại căn cơ lâu xa động mạng nói Bát-nhã nói rõ hạnh Bồ-tát, mật bác bỏ tiểu chấp dần dần khai mở đại tâm. Dụ rèn luyện cẩn thận: Văn nói lại trải qua thời gian ngắn, tức từ Bát-nhã về sau các kinh Phương Đẳng nói rộng môn hạnh Bồ-tát, hiện đủ thần biến Đại sĩ khiến cho những vị cẩn thận nhỏ hẹp kính mến Đại thừa như Tịnh Danh v.v... các kinh Ca-diếp tự khen ngợi, v.v... Gửi gắm gia nghiệp: Tâm dần dần thông thái cẩn thận liền biến chuyển, nên vì nói Nhất thừa nhập tri kiến Phật. Cho nên từ đầu đến cuối nương theo đầy đủ tám điều này. Chỉ vì rưới nước lạnh vào mặt và gọi con không được là nói chung. Rèn luyện cẩn thận văn kinh đã ít, thuộc về gia nghiệp chỉ có sáu thí dụ. Nay dùng văn nghĩa rõ ràng, tiến thích ứng tám tịch, thoái thì có sáu dụ không nên chia làm chín dụ.

Hỏi: Tại sao không có thí dụ dạy người làm?

Đáp: Dạy người làm cũng là gọi con được, tức là thời Lộc Uyển sự lại không có giáo riêng cho nên không chia làm hai.

Hỏi: Nếu thí dụ dạy người làm thì thuộc Tiểu thừa hóa đặc cho nên hợp làm một thì thí dụ giao cho của cải thuộc Đại thừa hóa lẽ ra cũng không nên khai riêng làm một ư?

Đáp: Giao cho của cải, tiến chưa bằng Nhất thừa, lùi lại chẳng phải Ba tạng. Đã là Biệt giáo lại là biệt thời thích hợp khai làm một. Gọi con được và dạy người làm không có hai giáo, cũng không có hai thời không nên chia làm hai.

Hỏi: Dụ biết con có chí lớn, dụ được gia nghiệp vui mừng vì sao không chọn!

Đáp: Đây đều thuộc Nhất thừa hóa đặc là càn nhánh vì thế không nên khai. Lại trách rằng: Nếu biết con có chí lớn và được gia nghiệp liền chia làm hai dụ thì trong gọi con được, cũng có biết kia chí nhỏ sao không khai ư? Cho nên phải xét kỹ nghĩa loại kia không thể tùy chọn chút ít văn.

**Thứ hai:** là nói lãnh trước, không lãnh trước. Hỏi: Kinh, Sư đều nói mỗi thí dụ sau lãnh trước như thứ lớp trước, việc ấy thế nào? Lời

bình rằng: Việc ấy không đúng, nếu y theo thứ lớp trước chỉ có thứ lớp trước, mất thứ lớp sau, nếu đều không y trước thì không gọi là lãnh giải dùng văn nghĩa mà nói đủ hai ý:

Căn cứ dụ này tự có thứ lớp, con tự giới thiệu từ đầu đến cuối chỉ có ba thời:

1) Thời trẻ đại.

2) Thời thất lạc cha.

3) Thời trở về quê cũ, ba thời này thu nhiếp hết thí dụ. Ban đầu học Đại thừa gọi là thời thơ đại, trái giáo hóa khởi hoặc gọi là thời thất lạc cha, biến mê thành ngộ là thời trở về quê cũ.

Căn cứ, thời thứ ba: trở về quê lại có ba thời:

1) Thời bỏ nhà đi xa như hướng về nước.

2) Thời đến gần nhà như đến thành.

3) Thời đến nhà cha. Ban đầu du ngộ lý còn rất xa vời, kể ngộ hơi gần, sau cùng lý giao kế.

Trong thời thứ ba đến nhà cha lại có ba thời:

1) Thời lúc đầu thấy cha không biết.

2) Thời không nhận lời cha.

3) Thời dần dần dẫn dụ. Thứ nhất dụ sau được ngộ lý như thấy cha, lúc mới không có đại căn cơ như không biết cha, kể dụ do không có đại căn cơ nên không chịu Đại thừa giáo hóa, sau dụ đã có tiểu căn cơ kham thọ Tiểu thừa giáo hóa.

Trong thời dần dần dẫn dụ lại có ba thời:

1) Thời làm thuê hốt phân.

2) Thời lãnh nhận tài vật.

3) Thời biết là cha con. Thời đầu dụ cho bảm thọ Tiểu thừa giáo, kể dụ thời nghe giáo Đại thừa, sau dụ thời nghe Pháp Hoa.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói thừa có ba thứ: Nhị thừa, Đại thừa và Nhất thừa, phù hợp với ba thứ này. Nếu chia riêng bỏ ba thời thành mười thí dụ:

1) Dụ thơ đại.

2) Dụ lạc cha.

3) Dụ dạo chơi trở về quê cũ.

4) Dụ đến thành.

5) Dụ đến nhà.

6) Dụ không biết cha.

7) Không nhận lời cha dạy.

8) Dụ làm thuê.

- 9) Dụ lãnh thọ tài vật.
  - 10) Dụ biết là cha con.
- Kế là căn cứ thí dụ cha trình bày, ý gồm có chín thứ:
- 1) Dụ sinh con thơ dại.
  - 2) Dụ thất lạc con.
  - 3) Dụ tìm con không được.
  - 4) Không phế bỏ gia nghiệp.
  - 5) Dụ thấy con liền biết.
  - 6) Dụ gọi con không được.
  - 7) Dụ thuê con làm người hốt phân.
  - 8) Dụ giao phó tài vật.
  - 9) Dụ hợp thiên tánh.

Chín thứ này tức là thứ lớp đời trước, lúc mới vì nói Đại thừa là sinh con thơ dại, trái hóa khởi hoặc gọi là cha thất lạc con tìm kiếm khắp nơi, gốc lành Đại thừa chưa thành gọi là tìm con không được. Tuy gốc lành chưa thành mà cđường ác Bồ-tát duyên đã thuần thực, không thể trái hóa gọi là không phế bỏ gia nghiệp, thấy đại căn cơ đang phát biết đã từng được Đại thừa giáo hóa gọi là thấy con liền biết. Ban đầu chưa kham nổi thật hóa nên gọi con không được, chỉ kham thọ quyền dẫn dụ như thuê hốt phân, Đại căn cơ từ xa đã động cho nên mệnh lệnh nói Đại pháp như giao cho của cải, đạo duyên đã thành nên hợp với thiên tánh.

Hỏi: Ban đầu nói tám thí dụ kế nêu sáu thí dụ, kế nêu mười thí dụ sau nêu chín thí dụ, vì sao có bốn thứ giải thích ư?

Đáp: Điều có bốn nghĩa, lúc mới căn cứ một phen hóa độ từ đầu đến cuối có đủ tám ví dụ, kế căn cứ chánh thí dụ chỉ có sáu, sau căn cứ con tự trình bày từ đầu đến cuối nên có mười dụ, kế căn cứ ý chỉ có chín. hai nghĩa trước là cha con hợp luận, hai nghĩa sau là cha con đều nói, do ý kinh bao gồm nhiều chẳng phải nói ít có thể hết, như Thích luận, luận Nhiếp Đại Thừa v.v... giải thích một kinh, văn chia nhiều thứ lớp.

Lại nữa, Thân tử nghe nói một bài kệ biết ngàn nghĩa, Mục Liên chỉ hiểu năm trăm, cho nên trong một câu bao gồm nhiều nghĩa. Nếu lãnh giải trên thì cha con thất lạc nhau là lãnh giải thí dụ chung ở trên. Thí dụ chung tuy có sáu nghĩa mà không ngoài năng hóa sở hóa, cho nên nói cha con thất lạc nhau tức là lãnh giải thí dụ chung: lại trong thí dụ thấy lửa nói cha con thất lạc nhau, như nói các con ông nhân trước đạo chơi vui đùa trong nhà này tức là nghĩa con lạc cha, con đã lạc cha tức là cha lạc con. Nếu vậy cha con thất lạc nhau có thể gồm lãnh giải

ý của hai thí dụ. Thí dụ cha con thấy nhau là thí dụ thấy lửa ở trên, nhưng ở trên nói thấy lửa chính là Pháp thân địa thấy, cho nên nói: lúc ấy Trưởng giả đứng ở ngoài cửa; phẩm Phương Tiện cũng như vậy, nên nói: Ta dùng mắt Phật thấy chúng sinh sáu đường, nghĩa là Pháp thân địa thấy. Nay nói cha con thấy nhau, có thể căn cứ bản tích hai chỗ nói:

1) Khi chưa thù tích thì ở Pháp thân địa, chúng sinh đại căn cơ động nơi pháp thân gọi là con thấy cha, Đức Phật ở Pháp thân địa thấy đại căn cơ động gọi là cha thấy con. Nếu vậy từ cha trước đến tìm con không được, trong đó bao gồm nghĩa con thấy cha, cha thấy con.

2) Y cứ trong tích mà nói khi mới thành đạo thấy kia có đại căn cơ đương phát gọi là cha thấy con; trong dừng ở một thành ngôi ghế sư tử, bấy giờ mới nói cha con thấy nhau. Nếu vậy, hai thí dụ cha con lạc nhau và cha con thấy nhau tương quan lẫn nhau lẫn thí dụ thấy lửa bên trên. Gọi con không được lãnh trên là cứu con không được, giao phó gia nghiệp lãnh trên ban cho xe lớn. Rưới nước lạnh trên mặt lãnh trên nói khi mới thành đạo nói giáo cho hàng trời người, giao cho của cải lãnh trên Phật nói Bát-nhã giáo. Hai thí dụ này là nguyên do xưa nghe còn chưa ngộ do nay ngộ, xưa không lãnh sáu thí dụ trên; không lãnh thí dụ bất hư là đã lãnh một phen hóa đại tông mới ngộ. Đức Phật ân sâu đức trọng vô biên đâu dám nghi là luống dối ư? Lại như thế mà ngộ tức là lãnh chung ý chỉ bất hư.

**Thứ ba:** là nói ba hóa (ba phen giáo hóa): Ba hóa:

1) Nhất vãng hóa (một lần xưa hóa).

2) Tùy theo hóa.

3) Cuối cùng hóa.

Ba hóa này thâm nhiếp tám thí dụ.

1) Nhất vãng hóa: quá khứ vì nói Đại thừa.

2) Tùy theo hóa: là từ thâm hóa về sau lưu lạc trong năm đường, Bồ-tát theo vào sinh tử mà giáo hóa chúng sinh.

3) Cuối cùng hóa: Từ cha con thấy nhau như ngộ Nhất thừa thọ ký thành Phật đắc bất thoái chuyển gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói thừa trời người là nhất vãng hóa vì nói cho Nhị thừa, cho đến trước Pháp Hoa hơn bốn mươi năm thuận theo không xả bỏ gọi là tùy theo hóa, sau nói pháp Hoa được thọ ký thành Phật gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói cho người Nhị thừa quyền dẫn dụ là Nhất vãng hóa; chúng sinh chấp chặt mà trụ không còn tiến cầu, Như lai không hề bỏ hoặc khiến tự nói pháp Đại thừa hoặc nghe người khác nói Đại thừa gọi là tùy theo

hóa. Đến thời Pháp Hoa mới được ngộ gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói giáo Đại thừa Bát-nhã giáo gọi là Nhất vĩng hóa, từ Bát-nhã về sau trải qua thời gian nghe các kinh Phương Đẳng là tùy theo hóa, cuối cùng ngộ Nhất thừa thành Đại quả thật như thu thâu đồng chứa cất là cuối cùng hóa. Lại nay chỉ vì nói pháp Hoa là Nhất vĩng hóa, từ đây về sau cho đến Thập địa thường giáo hóa là tùy theo hóa, đến thời Kim cương tâm địa Đẳng giác hóa khiến đắc Diệu giác địa tròn đầy gọi là cuối cùng hóa. Lại kết Tăng na ở tâm đầu tiên là Nhất vĩng hóa, thời gian giữa với các loại hóa gọi là tùy theo hóa, đắc Phật mới dứt gọi là cuối cùng hóa.

Hỏi: Vì sao phải lập ba hóa ư?

Đáp: Ban đầu nói cha con thất lạc nhau, sau bỗng nhiên gặp lại nhau, dường như không có nhân duyên, cho nên phải lập ba hóa.

**Thứ tư:** nói ba đời: Trong tám thí dụ lúc mới cha con thất lạc nhau là việc đời quá khứ. Từ thấy đại căn cơ đương phát một đời, ứng ngộ Pháp Hoa thọ ký thành Phật, bắt đầu tạm dừng một thành xong thí dụ thứ tám đều là việc thời hiện tại.

**Thứ năm:** là nói bản tích: một phen xưa tám thí dụ đều là việc trong tích, đức Như lai từ lâu đã thành Phật xưa thị hiện đồng Sa-di vì nói Đại thừa cho đến ngày nay giữa đường dừng nghỉ một thành cũng là Phương Tiện thành Phật, vì vậy tám thí dụ đều là tích. Nhưng cha con gặp nhau đều có hai bản tích:

1) Pháp thân thấy các Bồ-tát đại căn cơ đã thành, cho nên thị hiện làm Xá-na để hóa, giữa đường dừng nghỉ một thành gia nghiệp không phế bỏ tức là việc ấy.

2) Xá-na thành đạo thì thấy các con có tiểu căn cơ không có đại căn cơ, cho nên tùy ứng làm Thích-ca để hóa độ. Cởi áo quý giá mặc đồ thô xấu tức là việc ấy.

Hỏi: Nếu vậy Pháp thân địa đủ chiếu hai căn cơ cả hai tùy hai tích ư?

Đáp: Cũng được như thế, chỉ vì nay muốn nói hai Đức Phật truyền luận bản tích hóa hai duyên Đại tiểu cho nên phán xét như thế.

**Thứ sáu:** là nói về Nhân quả: Căn cứ bản mà nói đều là quả hóa, căn cứ tích nói về là quá khứ kết duyên, thị hiện ứng tích Sa di chỉ có nhân mà chẳng phải quả; từ dừng nghỉ một thành gọi là quả tích, trung gian hai thời này hoặc nhân hoặc quả.

**Thứ bảy:** là nói hóa được và không được: Nếu dùng ngộ Nhất thừa thọ ký là được, bảy thí dụ đều là gọi con không được, chỉ có thứ tám là

được. Nếu căn cứ Đại thừa hóa làm được và không được thì quá khứ làm Sa di vì nói Đại thừa tức là hóa được. Từ trái giáo hóa về sau là không được, đến Pháp Hoa ngộ Nhất thừa là được. Như Phẩm Thí Dụ nói: Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, đây là Đại thừa hóa được, mà ông nay đều quên, đây là không được. Nay ta khiến ông nhớ nghĩ bản nguyện, vì các Thanh văn nói Kinh Pháp Hoa là hóa được.

**Thứ tám:** là nói hai giáo: Từ dừng nghỉ một thành tức nói trưởng giả giàu có tự tại quyền thuộc người hầu vầy quanh v.v... đây là lãnh Hoa Nghiêm lúc mới thành Phật nghe đức Xá-na giáo hóa Bồ-tát. Cởi áo trân báu mặc áo thô xấu tức là bản Xá-na, thù tích đức Thích-ca, biến hóa Nhị thừa cuối cùng đến thí dụ thứ tám đều là lãnh giáo đức Thích-ca.

**Thứ chín:** là nói thế gian, xuất thế gian: rưới nước lạnh lên mặt, nói giáo trời người, là pháp thế gian, từ hóa con được đều là giáo xuất thế gian.

**Thứ mười:** là nói Đại tiểu: Thí dụ gọi con được là ở vườn Nai giáo vì Tiểu thừa hóa, từ phó chúc tài vật xong gửi gắm gia nghiệp đều là Đại thừa hóa. Trong đây không có nghĩa Thông giáo Ba thừa, làm sao biết? Vì khi dạy cho người làm chỉ nói pháp Nhị thừa gọi là Ba tạng giáo. Từ Bát-nhã trở đi là giao phó pháp Đại thừa, không còn dạy người Tiểu thừa cho nên chỉ là Đại thừa giáo. Nếu nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa, thì khi giao phó tài vật lẽ ra có người Thông giáo Ba thừa.

**Thứ mười một:** là nói về tự tha: Bát-nhã giáo nói tự giáo, Bát-nhã về sau nói hóa giáo. Tự giáo: là khiến người Thanh văn miệng tự nói đại nhân đại quả tức dùng pháp này giáo có thể gọi là dùng miệng kia tự nói để giáo hóa tâm kia. Từ Bát-nhã về sau được nghe các kinh Phương Đẳng nghe người khác nói Đại thừa khiến cho kia được ngộ, nên gọi là tha giáo.

**Thứ mười hai:** là nói hiển mật: Từ Bát-nhã đến trước Pháp Hoa gọi là Bồ-tát hiển giáo mật giáo Nhị thừa, như nói phó chúc tài vật là mật chỉ bày pháp Đại thừa để tự mình tu tập. Pháp Hoa giáo gọi là Nhị thừa hiển giáo.

**Thứ mười ba:** nói về mê ngộ: Từ khi cha con thất lạc nhau rồi, cho đến rên luyện cẩn thận, người Nhị thừa đều không biết là Phật tử bị mê đến thời Pháp Hoa mới được ngộ. Cho nên văn dưới nói: Nay ta đắc đạo, đắc quả đối với pháp vô lậu đắc pháp nhãn thanh tịnh, như vậy thì trước đều là không có nhãn tịnh.

**Thứ mười bốn:** nói rộng như trên, trên có hai chương:

1) Năm thí dụ rộng như trên trước mê.

2) thí dụ cuối cùng rộng như trên nay ngộ.

Hỏi: Vì sao có mười bốn nghĩa này ư?

Đáp: đây là thí dụ lãnh giải trọn ý Đức Thích-ca một thời kỳ giáo hóa từ đầu đến cuối cho nên soạn mười bốn điều này.

-----